

Phiếu câu hỏi khám sức khỏe

2021 年 4 月からの問診票

2024年3月31日まで使用可

Vui lòng dùng bút chì gỗ hoặc bút chì bấm để điền phiếu này, gạch chéo vào ô phù hợp đối với ô ☐, và điền số vào đối với ô ☐.

1. Thuốc lá

☐ Không hút (đã cai thuốc) ☐ Có hút 1 ngày ☐ điếu, trong ☐ năm ☐ Không uống ☐ Có uống ☐ ngày/tuần, ☐ go/lần

2. Rượu

Mức rượu nguyên chất 1 go (180 ml): 1 chai bia (khoảng 500 ml), rượu Shochu 25 độ (110 ml), 1 ly Whisky Double (60 ml), 2 ly rượu vang (240 ml)

3. Về bệnh trạng do bản thân đánh giá gần đây (Vui lòng chọn **tối đa 5 triệu chứng** quan tâm đặc biệt trong các mục sau đây)

☐ Đau đầu, nặng đầu

☐ Xanh xao

☐ Chong mặt

☐ Buồn nôn, nôn mửa

☐ Chán ăn

☐ Mùi khác thường

☐ Sụt cân

☐ Cảm giác lo lắng, cáu kỉnh

☐ Giảm khả năng tập trung

☐ Rối loạn giấc ngủ

☐ Dễ kích động

☐ Cảm thấy mệt mỏi, dễ mệt mỏi

☐ Uể oải, kiệt sức

☐ Thị lực suy giảm hoặc gặp trở ngại về thị lực

☐ Bất thường ở kết mạc hoặc giác mạc

☐ Đau mắt hoặc mờ mắt

☐ Nhảy cảm với ánh sáng (chói mắt)

☐ Chảy nước mắt

☐ Chảy máu mũi, đau mũi

☐ Bất thường ở khoang mũi

☐ Triệu chứng bất thường về hô hấp, hen suyễn

☐ Bất thường trong tiếng thở

☐ Thường hay ho

☐ Thường có đờm

☐ Viêm hoặc bất thường ở niêm mạc

☐ Viêm hoặc bất thường ở da hoặc mắt

☐ Triệu chứng kích ứng cơ quan hô hấp hoặc đường hô hấp trên

☐ Đau hoặc khó chịu ở phần cổ họng

☐ Đau hoặc khó chịu ở phần cổ họng

☐ Đau hoặc tức ngực

☐ Đánh trống ngực

☐ Đau hoặc cảm giác bất thường ở phần bụng

☐ Sự thay đổi hoặc đổi màu của răng

☐ Viêm lợi, nhiệt miệng

☐ Sưng hạch bạch huyết ở cổ, v.v...

☐ Bất thường trong phản xạ gân bánh chè, gân gót chân

☐ Các triệu chứng giống hội chứng Parkinson

☐ Đau ở phần cuối tứ chi

☐ Tê hoặc liệt tứ chi

☐ Rối loạn vận động như run ngón tay, v.v...

☐ Rối loạn tri giác

☐ Chuột rút

☐ Đau khớp, đau cơ

[Chỉ dành cho người dự định lấy mẫu máu]

[Chỉ dành cho nữ]

☐ Suy giảm lực nắm của tay

☐ Tê hoặc khô do lấy mẫu máu

☐ Đang mang thai hoặc có thể đang mang thai

☐ Rối loạn dáng đi

☐ Từng bị kích ứng da do khử trùng bằng cồn

☐ Đang trong kỳ kinh nguyệt

☐ Mất điều hòa vận động

☐ Từng bị tê tay do lấy mẫu máu

☐ Chữ viết nguệch ngoạc

☐ Chứng xanh tím

☐ Bất thường trong việc tiểu tiện

☐ Bất thường trong việc đại tiện

☐ Đỏ mề hôi bất thường

☐ Vàng da

☐ Có xu hướng chảy máu

☐ Không có gì đặc biệt

4. Tiền sử bệnh/bệnh hiện tại

*Vui lòng điền bệnh sử vào bảng bên phải.

Khảo sát đơn giản về điều kiện làm việc

(1) Có tiếp xúc với chất tương ứng do tai nạn hoặc khi sửa chữa, v.v... hay không?

☐ Có

☐ Không có

☐ Không rõ

(2) Sử dụng thiết bị thông gió cục bộ

☐ Luôn sử dụng

☐ Thỉnh thoảng sử dụng

(3) Sử dụng dụng cụ bảo hộ

☐ Luôn sử dụng

☐ Thỉnh thoảng sử dụng

☐ Không sử dụng

Khẩu trang/mặt nạ

☐ Không bố trí

☐ Không sử dụng

☐ Khác

Quần áo bảo hộ

☐

Bệnh sử

Vui lòng đánh dấu tích vào từng ô bên phải tên bệnh mà bạn đã hoặc đang điều trị dưới đây. Ngoài ra, vui lòng điền số tuổi vào thời điểm mắc phải bệnh đó.

Nếu không có bệnh sử, vui lòng đánh dấu check vào ô trống bên phải.

☐

Không có tiền sử bệnh/bệnh hiện tại

	Trước đây	Đang Điều trị	Đánh dấu ngoại trừ: Không có cấp thuốc	Mã số		Trước đây	Đang Điều trị	Đánh dấu ngoại trừ: Không có cấp thuốc	Mã số		Trước đây	Đang Điều trị	Đánh dấu ngoại trừ: Không có cấp thuốc	Mã số
«Bệnh da/dây/tá trắng»					«Bệnh thân/đường tiết niệu»					«Bệnh xương/cơ/hệ thần kinh ngoại biên»				
Viêm da/dây mãn tính				53	Viêm thân				70	Gãy xương				79
Loét da/dây				55	Bệnh thần IgA				238	Đau lưng				66
Loét tá trắng				56	Chứng thận hư				71	Thoát vị đĩa đệm				68
Polyp da/dây				54	Viêm bề thân				186	Hẹp cột sống				209
U dưới niêm mạc da/dây				163	Thâm tách máu				72	Thoái hóa khớp gối				210
Bệnh túi cùng da/dây				151	Sỏi thận/sỏi tiết niệu				73	Thoái hóa khớp háng				211
Dương tính với vi khuẩn Helicobacter pylori				164	Viêm tuyến tiền liệt				187	Viêm quanh khớp vai (đồng cứng khớp vai)				212
Ung thư da/dây				6	Tăng sản tuyến tiền liệt				74	Loãng xương				67
Các bệnh khác				121	Viêm bàng quang				128	Đau dây thần kinh				137
«Bệnh thực quản»					Ung thưthận				188	Thoái hóa cột sống cổ				213
Viêm thực quản trào ngược				178	Ung thư tuyến tiền liệt				189	Cong vẹo cột sống				148
Thoát vị gián đoạn vùng thực quản				147	Ung thư bàng quang				190	Thấp khớp				65
Giãn tĩnh mạch thực quản				160	Các bệnh khác				131	Các bệnh khác				69
Ung thư biểu mô thực quản				162	«Bệnh da liễu»					«Bệnh tự miễn»				
Các bệnh khác				120	Viêm da tại dị ứng				100	Lupus ban đỏ hệ thống				214
«Bệnh đại tràng»					Mề đay				191	Xơ cứng bì				215
Polyp đại tràng				57	Chàm mãn tính				192	Viêm bì cơ				216
Hội chứng ruột kích thích				155	U biểu mô da lành tính				193	Đa xơ cứng				217
Viêm loét đại tràng				117	Phồng				80	Bệnh nhuọc cơ				218
Bệnh Crohn				153	Bệnh giới leo (Herpes Zoster)				194	Hội chứng Sjogren				219
Viêm túi thừa đại tràng				152	Ung thư da				195	Các bệnh khác				52
Tắc ruột				116	Các bệnh khác				99	«Bệnh về tuyến vú»				
Ung thư đại tràng/trục tràng				7	«Bệnh mạch máu não/dây thần kinh so»					Viêm vú				159
Các bệnh khác				122	Nhồi máu não				41	Mastopathy tuyến vú				75
«Bệnh túi mật/gan/tuyến tụy»					Xuất huyết não				40	Nang sữa đông kén				158
Polyp túi mật				58	Não úng thủy				196	U tuyến xơ tuyến vú				157
Sỏi mật				59	Bệnh Parkinson				197	U vú lành tính				92
Viêm túi mật				60	Động kinh				24	Ung thu vú (phải)				171
Viêm gan				82	Liệt dây thần kinh mặt				198	Ung thư vú (trái)				172
Viêm gan B				3	U biểu mô não				199	Các bệnh khác				239
Viêm gan C				4	Viêm màng não				244	Bệnh về tử cung, buồng trứng và ống dẫn trứng >>				
Gan nhiễm mỡ				61	Các bệnh khác				97	U xơ tử cung				76
Xơ gan				62	«Bệnh máu»					Lạc nội mạc tử cung				129
Viêm tụy				63	Thiếu máu				14	Lạc nội mạc cơ tử cung				176
Ung thư ống mật				179	Ban xuất huyết				233	Polyp cổ tử cung				130
Ung thư gan				138	Thiếu máu bất sản (suy tủy xương)				200	U nang buồng trứng				167
Ung thư biểu mô tuyến tụy				180	Bệnh bạch cầu				11	Bướu buồng trứng				156
Các bệnh khác				64	Đa u tủy xương				223	U biểu mô buồng trứng lành tính				226
«Bệnh mắt»					Các bệnh khác				15	Hội chứng mắt kinh				77
Đục thủy tinh thể				27	«Bệnh nội tiết»					Ung thư cổ tử cung				174
Cườm nước				28	Cường giáp				201	Ung thư tử cung				175
Bong võng mạc				181	Suy giáp				202	Ung thư buồng trứng				177
Thoái hóa điểm vàng do lão hoá				182	Bướu cổ				203	Các bệnh khác				133
Bệnh lý võng mạc				98	Ung thư tuyến giáp				245	«Chấn thương-tổn thương >>				
Viêm kết mạc dị ứng				183	Triệu đường				17	Bong gân				227
Các bệnh khác				29	Bệnh gout/tăng axit uric máu				18	Tổn thương đĩa sụn				228
«Bệnh phế quản/phổi»					Rối loạn lipid máu				19	Tổn thương dây chằng				229
Hen phế quản				46	Các bệnh khác				20	Thương tổn nội tạng				230
Giãn phế quản				48	«Bệnh thần kinh-tâm thần»					Tổn thương tủy sống				231
Viêm phổi				43	Rối loạn hệ thần kinh tự chủ (hệ thần kinh thực vật)				25	Cắt chi				232
Viêm màng phổi				49	Trầm cảm				21	Các hội chứng chấn thương-tổn thương khác				81
Tràn khí màng phổi				109	Loạn thần kinh				22	«Các bệnh khác»				
Bệnh nang phổi				108	Rối loạn hoảng sợ				234	Các bệnh ung thư khác				13
Khí phế thũng				47	Rối loạn điều chỉnh				235	U lympho ác tính				222
Phổi mô kẽ				145	Tâm thần phân liệt				236	Bệnh Behcet (hội chứng Adamantiades)				170
Lao phổi				1	Các bệnh khác				23	Loạn đường cơ tiến triển				241
Bệnh bụi phổi/bụi phổi do Asbiăng				146	«Bệnh tai/mũi/yết hầu/thanh quản»					Cấy ghép nội tạng				242
Ung thư phổi				8	Viêm tai giữa				32	Sa hầu môn				243
Bệnh sarcoidosis (u hạt)				221	Mất thính giác đột ngột				33	Hội chứng rối loạn thái dương hàm				224
U trung thất				166	Điếc bẩm sinh				204	Hội chứng thở quá nhanh				225
Các bệnh khác				50	Bệnh Meniere				34	Các bệnh khác				136
«Bệnh tim mạch»					Viêm mũi dị ứng				112					
Cao huyết áp				36	Viêm xoang				45					
Đau thắt ngực				102	Viêm amidan				205					
Nhồi máu cơ tim				103	Polyp thanh đới				206					
Rối loạn nhịp tim				38	Ung thư thanh quản				207					
Bệnh van tim				104	Chứng ngưng thở khi ngủ				208					
Bệnh cơ tim				39	Các bệnh khác				101					
Bệnh tim bẩm sinh				105										
Viêm tắc động mạch lớn do xơ hóa				184										
Phình ứnh mạch				237										
Phình động mạch chủ				185										
Bệnh Kawasaki				220										
Các bệnh khác				42										